TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 15** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 27/2026/HS-ST
Ngày: 06-02-2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 15 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Hồ Thị Hằng.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Trí.

Bà Trương Thị Thu Cúc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Kim Xuân - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh *tham gia phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Tuyết N - Kiểm sát viên.

Trong ngày 06 tháng 02 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 17/2026/TLST-HS ngày 21 tháng 01 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 24/2026/QĐXXST-HS ngày 26 tháng 01 năm 2026 đối với bị cáo:

Trương Văn N1, sinh ngày 01 tháng 3 năm 1991 tại An Giang, CCCD: 089091001945; nơi thường trú: Khóm K, xã V, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Tổ A, Khu phố B, phường H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 01/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Hòa Hảo; quốc tịch: Việt Nam; con ông Đoàn Hữu P và bà Trương Thị T; chưa có vợ, con; tiền án, tiền sự: Không; bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 31/7/2025 cho đến nay, có mặt.

- *Bị hại:* Bà Phan Thị P1, sinh năm 1985; nơi thường trú: Khu H, xã P, tỉnh Phú Thọ; nơi tạm trú: Số E, đường C, khu phố P, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án*:

+ Ông Lê Văn H, sinh năm 1991; địa chỉ: Tổ G, khu phố D, phường V, Thành phố Hồ Chí Minh- Chủ hộ kinh doanh cầm đồ Đại Phước Phú Chánh, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

+ Bà Trương Thị T, sinh năm 1967; nơi thường trú: Khóm K, xã V, tỉnh An Giang; nơi tạm trú: Khu phố H, phường B, Thành phố Hồ Chí Minh, có mặt

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trương Văn N1 và bà Phan Thị P1 có mối quan hệ tình cảm và sinh sống như vợ chồng từ cuối năm 2024. Ngà buôn bán cá nướng, còn bà P1 làm công nhân.

Khoảng 14 giờ 00 phút từ ngày 26/7/2025, khi N1 đang chuẩn bị nướng cá lóc để bán tại Ki ốt thì có 01 chủ nợ tên thường gọi là P2 mà N1 nợ tiền trước đây, đi ngang nhìn thấy N1 nên đã đến gặp N1 nói chuyện và đòi tiền nợ, N1 có đưa cho P2 4.000.000 đồng tiền mặt và xin P2 thời gian để trả từ từ nhưng P2 chỉ cho N1 thời hạn 03 ngày để trả tiền nếu không P2 không để yên cho N1 và sẽ báo cho bà P1 biết. Do lo sợ bà P1 biết việc nợ nần của mình nên N1 nảy sinh ý định lấy xe của bà P1 đi cầm để trả nợ.

Để thực hiện ý định, khoảng 06 giờ 40 phút ngày 29/7/2025, N1 lấy xe mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ bạc, số máy: KF41E0055464, số khung: RLHKF4100LZ021850, biển số 19G1-459.49 điều khiển chở bà P1 đến Công ty U làm việc còn N1 điều khiển xe mô tô biển số 19G1-459.49 đi đến gặp ông Lê Văn H - Chủ hộ kinh doanh cầm đồ Đại Phước Phú C đặt vấn đề cầm xe biển số 19G1-459.49, ông H yêu cầu N1 cung cấp giấy tờ thì N1 lấy đưa cho ông H những giấy tờ sau: Bản chính Giấy chứng nhận đăng ký xe Biển số 19G1-459.49, bản chính căn cước công dân của N1 và bà P1. Ông H hỏi nguồn gốc xe thì N1 nói là xe của vợ N1 đứng tên nên ông H không nghi ngờ gì và hỏi N1 muốn cầm bao nhiêu thì N1 nói là 25.000.000 đồng nên ông H đồng ý nhận cầm. Sau khi nhận tiền từ ông H thì N1 chuyển khoản trả cho P2. Tuy nhiên, do chưa trả hết nợ nên N1 đem chiếc điện thoại nhãn hiệu Vivo của N1 cầm lấy số tiền 1.000.000 đồng rồi N1 đi bộ lại quán cà phê võng gần tiệm cầm đồ nằm ngủ.

Đến khoảng 16 giờ cùng ngày, N1 tỉnh dậy và do sợ bị bà P1 phát hiện mình mang xe bà P1 đi cầm cố nên N1 nghĩ cách nói dối bà P1 để che giấu hành vi của mình bằng cách N1 dựng lên chuyện mình bị chém và cướp tài sản. Để thực hiện hành vi của mình, N1 đi bộ đến một tiệm bán đồ gia dụng nằm trong chợ P3 mua một con dao thái lan có cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu bạc có đầu nhọn, kích thước khoảng 20cm, bản rộng 3cm (loại dao gọt trái cây) và đi bộ từ chợ P3 dọc theo đường N rồi rẽ phải vào đường Phạm Văn Đ, trên đường đi Ngà đã ném bản chính Căn cước công dân bản chính của N1 và bà P1 vào bụi cây ven đường để bà P1 tin tưởng N1 bị mất hết tài sản.

Đến khoảng 16 giờ 45 phút, Khi N1 đi bộ trên đường P qua khỏi chùa H2 một đoạn 600 mét thì N1 đi vào rừng tràm bên đường. Tại đây, N1 dùng dao đã chuẩn bị trước đó rồi cầm trên tay phải và rạch một đường trên cánh tay trái làm rách da chảy máu có kích thước 9cm. Để mọi người nghĩ N1 bị đuổi chém nên N1 lấy con dao để vào một hốc cây rồi đưa lưng vào đầu nhọn của dao rạch xuống một đường làm vết thương rách da chảy máu ở vùng lưng, kích thước 12cm. Sau khi N1 tự gây thương tích cho mình thì N1 ném con dao vào một bụi cây trong rừng tràm. Khoảng 10 phút sau, N1 đi từ khu vực rừng tràm ra chỗ ngã ba giao nhau giữa đường N và Trần Nhân T1 để tìm người đi đường và nói là mình vừa bị cướp tài sản và nhờ đưa N1 về Chợ P3 nơi bà Trương Thị T, sinh năm 1967

(mẹ ruột N1) sinh sống để bà P1 tin tưởng sự việc trên là có thật. Sau khi ông Nguyễn Đại H1 (bảo vệ B) tuần tra trên đoạn đường gần chỗ N1 đến nắm sự việc và đã báo cho Công an phường B biết sự việc N1 bị Cướp tài sản như N1 trình bày. Sau khi tiếp nhận nguồn tin từ ông H1, Công an phường B đã đến hiện trường N1 vẫn tiếp tục nói dối là mình bị cướp tài sản và được Công an phường B đưa N1 đi điều trị thương tích tại Phòng khám Đ1.

Sau khi điều trị thương tích N1 được Công an phường B đưa về trụ sở Công an phường để làm việc. Tại đây, N1 đã tiếp tục cung cấp thông tin là N1 bị chém gây thương tích và Cướp tài sản bao gồm: 01 xe mô tô mô tô nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ bạc, số máy: KF41E0055464, số khung: RLHKF4100LZ021850, biển số 19G1-459.49, 01 điện thoại di động, số tiền 11.000.000 đồng (tiền mặt), bản chính căn cước công dân của N1 và bà P1 và 02 bản chính Giấy phép lái xe hạng A1. Công an phường B đã tiến hành lập hồ sơ để xử lý theo quy định của pháp luật theo thông tin khai báo của N1 và báo cáo Phòng C1 Công an Thành phố H phối hợp truy bắt đối tượng thực hiện hành vi Cướp tài sản như thông tin N1 cung cấp. Đến khoảng 17 giờ ngày 30/7/2025, bằng các biện pháp nghiệp vụ Công an phường B và Phòng PC02 đã phát hiện xe mô tô biển số 19G1-459.49 của bà P1 được N1 mang đến cầm cố tại tiệm C2 và đã tiến hành thu giữ để làm rõ hành vi của N1.

Đến khoảng 20 giờ 00 phút ngày 30/7/2025, Công an phường B tiên hành mời N1 về trụ sở để làm việc liên quan và qua làm việc, N1 đã thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội như đã nêu trên.

***Theo Kết luận định giá tài sản số 6475/KL-HDĐGTS ngày 19/9/2025 của Hội đồng định giá tài sản thường xuyên trong tố tụng hình sự cấp Thành phố - Ủy ban nhân dân Thành phố H kết luận*:** 01 (một) xe mô tô 19G1-459.49, nhãn hiệu Honda Air Blade, màu đỏ bạc, số máy: KF41E0055464, số khung: RLHKF4100LZ021850, sản xuất năm 2021, đã qua sử dụng có giá trị là 31.433.000 đồng (Ba mươi mốt triệu bốn trăm ba mươi ba nghìn đồng).

Vật chứng thu giữ và xử lý: 01 chiếc xe ô tô 19G1-459.49 nhãn hiệu Honda AirBlade màu đỏ bạc. Cơ quan CSĐT Công an thành phố H ra Quyết định xử lý vật chứng số A20597/QĐ-VPCQCSĐT ngày 11/10/2025 và trả cho bà Phan Thị P1 ngày 19/10/2025.

Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Phan Thị P1 đã được nhận lại tài sản, không yêu cầu gì khác. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà T đã trả cho ông H số tiền 25.000.000đ thay cho N1 nhưng bà T không yêu cầu gì đối với N1 nên HĐXX ghi nhận.

Cáo trạng số 78/CT-VKSKV15 ngày 20/01/2026 của Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo Trương Văn N1 đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", quy định tại điểm e khoản 2 Điều 174 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa: Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- *Về trách nhiệm hình sự*: Căn cứ khoản e khoản 2 Điều 174; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 xử phạt bị cáo Trương Văn N1 từ 02 năm tù đến 02 năm 03 tháng tù.

- *Về xử lý vật chứng*: Không có

- *Về trách nhiệm dân sự:* Bị hại bà Phan Thị P1 đã được nhận lại tài sản nên không yêu cầu gì khác. Bà T đã trả số tiền 25.000.000đ cho ông H nhưng bà T không yêu cầu N1 trả lại số tiền này cho bà nên HĐXX ghi nhận.

Tại phần tranh luận, bị cáo N1 không tranh luận với Kiểm sát viên về tội danh, khung hình phạt và mức hình phạt đã đề nghị.

Nói lời sau cùng: Bị cáo N1 thấy việc làm của mình là sai trái, mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh, Kiểm sát viên trong quá trình khởi tố, điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Tại phiên tòa, bị cáo N1 đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra, biên bản hỏi cung bị can, biên bản lấy lời khai của bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án cùng những tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Do cần tiền trả nợ nên ngày 29/7/2025 N1 lấy xe mô tô biển số 19G1-459.49 của bà P1 cầm cho ông Lê Văn H- Chủ hộ kinh doanh cầm đồ Đại Phước Phú Chánh với số tiền 25.000.000đ. Sợ bị bà P1 phát hiện mình mang xe đi cầm nên Ngà N1 dựng lên chuyện mình bị chém và cướp tài sản bằng cách mua con dao thái lan có cán bằng nhựa màu vàng, lưỡi bằng kim loại màu bạc có đầu nhọn, kích thước khoảng 20cm, bản rộng 3cm (loại dao gọt trái cây) đi vào rừng tràm bên đường rạch một đường trên cánh tay trái làm rách da chảy máu có kích thước 9cm, đồng thời đưa lưng vào đầu nhọn của dao rạch xuống một đường làm vết thương rách da chảy máu ở vùng lưng, kích thước 12cm. Sau khi tự gây thương tích cho mình,N1 ném con dao vào một bụi cây trong rừng tràm và ném 02 bản chính căn cước công dân của N1 và chị P1 vào bụi cây ven đường mục đích để P1 tin tưởng N1 bị mất hết tài sản. Khoảng 10 phút sau, N1 đi từ khu vực rừng tràm ra chỗ ngã ba giao nhau giữa đường N và Trần Nhân T1 để tìm người đi đường và nói là mình vừa bị cướp tài sản. Do đó, hành vi mà bị cáo thực hiện đã phạm vào tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" được quy định tại điểm e khoản 3 Điều 174 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017. Bị cáo đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự. Do vậy, Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân

Khu vực 15- Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo theo tội danh và điều khoản như trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội và đúng pháp luật.

[3] Hành vi mà bị cáo thực hiện là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến quyền sở hữu hợp pháp về tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ; gây mất trật tự, trị an tại địa phương nơi xảy ra vụ án. Về nhận thức, bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng đã bất chấp sự trừng phạt của pháp luật, thực hiện hành vi phạm tội với lỗi cố ý trực tiếp. Do đó, cần có mức hình phạt nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để có tác dụng răn đe, giáo dục bị cáo trở thành công dân có ích cho xã hội.

[4] Tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không có

[5] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; tác động gia đình bồi thường toàn bộ số tiền 25.000.000đ cho ông Lê Văn H- Chủ hộ kinh doanh cầm đồ Đại Phước Phú Chánh; tài sản đã được thu hồi và hoàn trả cho bị hại, bị hại có đơn bãi nại và đề nghị giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Do bị cáo có tình tiết giảm nhẹ tại điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 52 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017 và khoản 2, khoản 17 Điều 2 và khoản 7 Điều 3 Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 về việc hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi, bổ sung năm 2017 nên Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 của Bộ luật Hình sự, sửa đổi bổ sung năm 2017, xử phạt bị cáo N1 mức hình phạt thấp hơn quy định của Điều luật.

[6] Căn cứ tính chất mức độ, hậu quả của hành vi mà bị cáo thực hiện cũng như nhân thân, các tình tiết giảm nhẹ, xét mức hình phạt mà đại diện Viện kiểm sát đề nghị là chưa phù hợp.

[7] *Về trách nhiệm dân s*ự: Bị hại bà Phan Thị P1 đã được nhận lại tài sản và không yêu cầu gì khác. Bà T đã trả số tiền 25.000.000đ cho ông H nhưng bà T không yêu cầu N1 trả lại số tiền này cho bà nên HĐXX ghi nhận.

[8] *Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng*: không có.

[9] *Án phí sơ thẩm*: Căn cứ Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, mỗi bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào các Điều 136, 260, 331, 333 Bộ luật Tố tụng hình sự.

- Căn cứ Nghị quyết 04/2025/NQ-HĐTP ngày 30/9/2025 về việc hướng dẫn áp dụng các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, các tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo Trương Văn N1 phạm tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

2. Về trách nhiệm hình sự: Căn cứ vào điểm e khoản 2 Điều 174; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 38; Điều 54 của Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017;

Xử phạt bị cáo Trương Văn N1 01 (một) năm tù về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản", thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 31/7/2025.

3. Về trách nhiệm dân sự: Không đặt ra xem xét, giải quyết.

4. Về biện pháp tư pháp, xử lý vật chứng: Không có.

5. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm.

6. Về quyền kháng cáo: Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Công an Thành phố Hồ Chí Minh (PV06;
- VKSND Khu vực 15 – TP Hồ Chí Minh;
- Phân trại tạm giam Bình Dương;
- Thi hành án Dân sự TP Hồ Chí Minh;
- Cơ quan THAHS CA TP Hồ Chí Minh;
- Người tham gia tố tụng;
- Lưu HS, VP;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Hồ Thị Hằng